

VỊ THẾ VIỆT NAM TRONG ASEAN + 3

*Nguyễn Văn Lịch**

I. ĐÔNG Á ĐANG TRỞ THÀNH MỘT TRUNG TÂM KINH TẾ THẾ GIỚI

Thời đại ngày nay là thời đại toàn cầu hóa. Hội nhập khu vực và hội nhập quốc tế là xu thế phổ biến, không quốc gia nào có thể cưỡng lại, đứng ngoài vòng xoáy toàn cầu hóa.

Ngày 1-5-2004 Liên minh Châu Âu (EU) đã mở rộng về phía Đông, kết nạp thêm 10 nước (Ba Lan, Cộng hòa Séc, Slovakia, Hungaria, Estonia, Litva, Latvia, Slovenia, Malta, Cyprus (Sip), cùng 15 nước thành viên cũ trở thành một trong những tổ chức quốc tế khu vực lớn nhất với diện tích gần 4 triệu km², 450 triệu người, trải từ Đông sang Tây hơn 3000 km, tổng GDP năm 2001 gần 8127 tỉ USD, năm 2003 đạt khoảng gần 9000 tỉ USD (Bảng 1).

Ở Tây bán cầu từ năm 1992 lãnh đạo ba nước Mỹ, Canada và Mexico đã ký Hiệp định thành lập Khu vực Thương mại Tự do Bắc Mỹ (NAFTA), sau khi Quốc hội ba nước này phê chuẩn, từ năm 1994 NAFTA đã vận hành, với một không gian rộng hơn 21,5 triệu km², hơn 400 triệu người và tổng GDP năm 2001 lên đến 11466 tỉ USD (Bảng 2).

Bảng 1. Các nước EU (15 nước) và EU mở rộng (25 nước)

TT	Tên nước	Diện tích	Xếp hạng	Dân số	Xếp hạng	GDP thực tế năm 2001 (triệu USD)	Xếp hạng
1	Pháp	551.500	47	59.165	21	1.302.739	5
2	Đức	357.030	61	82.195	12	1.873.854	3
3	Bỉ	33.100	136	10.273	75	227.618	22
4	Hà Lan	41.530	131	16.032	57	374.976	16
5	Luxamburg	2.586	166	444	164	19.802	67
6	Italia	301.340	69	57.691	22	1.090.910	7
7	Tây Ban Nha	505.990	50	39.501	29	577.539	11
8	Bồ Đào Nha	91.980	109	10.231	77	108.479	37

* Tiến sĩ, Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh. Việt Nam.

TT	Tên nước	Diện tích	Xếp hạng	Dân số	Xếp hạng	GDP thực tế năm 2001 (triệu USD)	Xếp hạng
9	Hy Lạp	131.900	94	10.575	72	1.406.310	35
10	Anh	242.910	76	59.904	20	1.406.310	4
11	Ailen	70.270	117	3.833	125	101.185	40
12	Áo	83.860	112	8.124	87	188.742	24
13	Thụy Điển	449.960	54	8.893	83	210.108	21
14	Đan Mạch	43.090	130	5.350	105	162.817	27
15	Phần Lan	338.150	63	5.187	109	121.987	33
16	Ba Lan	323.250	67	38.653	30	174.597	29
17	CH Séc	78.870	114	8.124	88	56.424	49
18	Slovakia	49.010	126	5.408	103	20.522	64
19	Hungaria	93.030	108	10.187	78	52.361	52
20	Estonia	45.100	129	1.355	147	5.281	108
21	Latvia	64.600	121	2.341	140	7.549	99
22	Litva	65.200	120	3.488	128	11.834	79
23	Slovenia	20.250	150	1.989	144	18.810	69
24	Malta	320	186	392	168	3.565	123
25	Cyprus (Síp)	9.250	160	761	157	8.698	89

Nguồn: Tổng cục Thống kê, Số liệu kinh tế – xã hội các nước và vùng lãnh thổ trên thế giới, Nxb Thống kê, 2002.

Bảng 2. Các nước NAFTA

	Tên nước	Diện tích	Xếp hạng TG	Dân số	Xếp hạng TG	GDP 2001 Giá thực tế triệu USD	Xếp hạng TG
1	Mỹ	9.629.090	3	283.962.000	3	10.171.400	1
2	Canada	9.970.610	2	31.015.000	34	677.178	8
3	Mexico	1.958.200	14	99.415.000	11	617.817	10
	Cộng	21.557.900		414.392.000		11.466.395	

Nguồn: Tổng cục Thống kê, Số liệu kinh tế – xã hội các nước và vùng lãnh thổ trên thế giới, Nxb Thống kê, 2002.

Còn ở Đông Nam Á và Đông Á tiến trình hội nhập đang diễn ra nhanh chóng. Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập từ năm 1967 gồm 5

nước, đến năm 1999, sau gần 32 năm đã mở rộng ra cả 10 nước trong khu vực. Từ năm 1993 trong khuôn khổ ASEAN đã hình thành AFTA – Khu vực Thương mại Tự do Đông Nam Á. Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN VII (Brunei, 2001) và Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN VIII (Phnom Penh, Campuchia, 2002) tiếp tục khẳng định đẩy mạnh tiến trình AFTA và hợp tác toàn diện giữa các nước ASEAN, đồng thời mở rộng hợp tác giữa ASEAN với 3 nước Đông Á (Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc).

Đặc biệt, Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN IX (Bali, Indonesia 2003) đã ký kết Hiệp định Hòa hợp ASEAN II, khẳng định đến năm 2020 sẽ xây dựng Đông Nam Á thành cộng đồng các quốc gia phát triển, hòa hợp trên cả ba lĩnh vực chính trị-an ninh, kinh tế và văn hóa. Tại Hội nghị thượng đỉnh ASEAN IX cũng có sự tham dự của ba nhà lãnh đạo Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, đều cam kết tăng cường hợp tác ASEAN + 3, đề ra những bước đi để đến năm 2010 – 2012 sẽ tạo thành khu vực thương mại tự do trong không gian thống nhất. Trung Quốc cũng chính thức ký Hiệp ước Bali. Ấn Độ cũng tham gia Hội nghị và tích cực triển khai “chính sách hướng Đông”. Bảng 3 dưới đây sẽ cho chúng ta cái nhìn tổng thể về ASEAN + 3.

Bảng 3. ASEAN +3

TT	Tên nước	Diện tích (km ²)	Xếp hạng TG	Dân số 2001 (nghìn người)	Xếp hạng TG	GDP 2001 giá thực tế triệu USD	Xếp hạng TG	GDP tính theo sức mua tương đương (PPP), giá trị năm 2000 (triệu USD)
1	Trung Quốc	9.598.050	4	1.271.900	1	1.159.017	6	5057,472
2	Nhật Bản	377.800	60	127.100	10	4.245.191	2	3399,155
3	Hàn Quốc	99.260	107	47.645	26	422.167	12	834,240
	Cộng 3 nước	10.075.110		1.446.645		5.826.375		9291,881
	ASEAN							
1	Brunei	5.770	162	345	169	4.123	111	5,796
2	Campuchia	181.040	87	12.266	65	3.384	128	12,145
3	Indonesia	1.904.570	15	213.638	4	145.306	30	651,202
4	Lào	236.800	80	5.403	104	1.712	139	8,505
5	Malaysia	329.750	64	23.796	42	87.540	42	217,632
6	Mianmar	676.580	39	48.315	25	39.172	56	57,600

TT	Tên nước	Diện tích (km ²)	Xếp hạng TG	Dân số 2001 (nghìn người)	Xếp hạng TG	GDP 2001 giá thực tế triệu USD	Xếp hạng TG	GDP tính theo sức mua tương đương (PPP), giá trị năm 2000 (triệu USD)
7	Philippines	300.000	70	77.015	14	71.438	44	305,767
8	Singapore	620	176	4.103	120	85.648	41	93,424
9	Thái Lan	513.120	49	61.238	19	114.760	32	390,522
10	Việt Nam	329.241	65	78.686	13	31.513	58	155,688
Cộng 10 nước ASEAN		4.477.491		523.805		584.596		1897,881
Cộng 13 nước		14.552.501		1.970.450		6.410.971		11189,148

Nguồn: Tổng cục Thống kê, Số liệu kinh tế – xã hội các nước và vùng lãnh thổ trên thế giới, Nxb Thống kê, 2002.

Tính 10 nước ASEAN, tổng diện tích 4,5 triệu km², dân số hơn 500 triệu, GDP năm 2001 gần 600 tỉ USD, năm 2003 ước vượt 600 tỉ USD. Nếu tính theo sức mua tương đương (PPP), theo giá trị GDP/người năm 2000 thì tổng GDP của các nước ASEAN đã lên đến 1.897,888 tỉ USD, năm 2003 ước đạt gần 2000 tỉ USD.

Chỉ tính ba nước Đông Á (Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc) diện tích hơn 10 triệu km², dân số 1446 triệu người, tổng GDP năm 2001 là 5826 tỉ USD, năm 2003 ước vượt 6000 tỉ USD. Nếu tính theo sức mua tương đương thì GDP của ba nước Đông Á theo giá trị USD/người năm 2000 đã lên tới 9291 tỉ USD, năm 2003 ước đạt 10.000 tỉ USD.

Như vậy tính cả ba nước Đông Á và ASEAN, GDP năm 2001 đạt 6.410 tỉ USD, còn tính theo sức mua tương đương năm 2000, GDP của 13 nước đạt 11.189 tỉ USD, đến năm 2003 ước đạt gần 12.000 tỉ USD.

Nếu trong tương lai không xa không gian kinh tế mở rộng cả Hongkong, Macao, Đài Loan và có thể cả CHDCND Triều Tiên, thì khu vực kinh tế Đông Á tiềm lực còn lớn hơn (Bảng 4).

Bảng 4. Các lãnh thổ Trung Quốc và CHDCND Triều Tiên

T T		Diện tích km ²	Xếp hạng TG	Dân số 2001 (Triệu người)	Xếp hạng TG	GDP 2001 giá thực tế, triệu USD
1	Hồng Kông	1.098	169	6,874	95	161.891
2	Ma Cao	24	191	443	165	6,300
3	Đài Loan	36.000	134	22,410	46	282,208
4	CHDCND Triều Tiên	120.540	96	22,384	48	45,000*
	Cộng	157.662		52,111		495,399

Nguồn: Tổng cục Thống kê, Số liệu kinh tế – xã hội các nước và các vùng lãnh thổ trên thế giới, Nxb Thống kê, 2002.

*** Ước lượng**

Từ thập niên 80 thế kỷ XX nhiều người đã dự đoán thế kỷ XXI sẽ là “thế kỷ Châu Á – Thái Bình Dương”. Sự phát triển năng động và tương đối ổn định của Trung Quốc và các nước ASEAN trong hơn hai thập niên qua đã dần dần làm thay đổi bản đồ kinh tế khu vực và thế giới. Trong vài thập niên đầu thế kỷ XXI các nước Đông Á, Đông Nam Á (dưới đây tạm gọi tắt là Đông Á) sẽ tiếp tục dẫn đầu thế giới về tốc độ phát triển kinh tế. Nền kinh tế Nhật Bản những năm gần đây gặp nhiều khó khăn, tốc độ phát triển bị chững lại, chính phủ Koizumi đang nỗ lực cải cách nền kinh tế của đất nước, bước đầu gặt hái thành công, chắc chắn nước Nhật sẽ tiếp tục đóng vai trò siêu cường kinh tế thứ 2 thế giới và đầu tàu kinh tế ở châu Á.

Trung Quốc cải cách mở cửa thành công, nền kinh tế Trung Quốc đạt tốc độ tăng trưởng liên tục hơn hai thập niên qua, dẫn đầu thế giới và khu vực; cứ sau một thập niên GDP của nước này lại tăng gấp đôi. Nền kinh tế Trung Quốc đã đứng thứ 6 thế giới, nếu tính theo sức mua tương đương đã vươn lên thứ 2 thế giới, xấp xỉ 50% nền kinh tế Mỹ.

Rõ ràng, cùng với châu Âu đang thống nhất lại, tiến tới nhất thể hóa trong Liên minh Châu Âu và Bắc Mỹ, Đông Á cũng đang trong quá trình phát triển mau lẹ, tiến tới xây dựng một không gian kinh tế thống nhất, tương lai có thể có đồng tiền chung châu Á (Đông Á). Trong quá trình chuyển đổi, xây dựng trật tự kinh tế quốc tế, xây dựng một thế giới đa cực, Đông Á cần và phải trở thành một trụ cột trong ba trụ cột chính của kinh tế thế giới thế kỷ XXI.

Trong khối kinh tế Đông Á, rõ ràng vai trò nổi bật là Trung Quốc và Nhật Bản. Trở lại Bảng 3 ở trên có thể thấy rõ vai trò nổi trội của Trung Quốc về lãnh thổ và dân số gần gấp 2 lần các nước khác ở Đông Á cộng lại. Về tiềm lực kinh tế của Trung Quốc, tuy hiện nay là nền kinh tế lớn thứ 6, nhưng nếu tính theo

PPP là nền kinh tế thứ 2, kinh tế Nhật đứng sau Trung Quốc. Hai nền kinh tế Trung – Nhật là hai đầu tàu nếu hợp tác được với nhau trong một khu vực thương mại tự do sẽ bổ sung cho nhau và kéo theo các nền kinh tế khác trong khu vực.

Do đặc điểm lịch sử của khu vực, còn nhiều vấn đề phải giải quyết nhưng theo tôi hoàn toàn có thể khép lại quá khứ, xây dựng lòng tin lẫn nhau, vượt qua những trở ngại, xây dựng ý chí chính trị chung trong tinh thần đoàn kết, hợp tác vì hòa bình, ổn định, phát triển thịnh vượng, vì hạnh phúc của nhân dân các nước.

Con đường của Liên minh Châu Âu đã đi qua trong hơn nửa thế kỷ, từ cộng đồng than thép Châu Âu 6 nước năm 1952 đến Liên minh Châu Âu 25 nước năm 2004 cho chúng ta nhiều bài học kinh nghiệm bổ ích. Từ 1870 đến 1945 hai nước Đức – Pháp ít ra đã qua 3 cuộc chiến tranh đẫm máu. Trong thời kỳ chiến tranh lạnh, nước Đức là nạn nhân, Tây Âu và Đông Âu đối đầu gay gắt, quyết liệt, nhưng ngày 1-5-2004 có 8/10 nước thành viên mới của EU là ở Đông Âu. Chúng ta không quên những bài học của lịch sử, song phải dạy cho các thế hệ trẻ tinh thần khoan dung, vượt qua những rào cản quá khứ để hòa giải, hợp tác, hướng đến tương lai. Tôi tin các dân tộc Đông Á có chiều sâu của lịch sử mấy ngàn năm, của triết lý nhân bản, căn bản Tam giáo và Nhân văn hiện đại có thể làm được.

II. VỊ THẾ VIỆT NAM TRONG ASEAN + 3 (TRUNG QUỐC, NHẬT BẢN, HÀN QUỐC)

Việt Nam đã và đang thực hiện chính sách đổi mới thành công, tích cực hội nhập với khu vực và thế giới, từ 1995 gia nhập ASEAN, tham gia ASEM từ năm 1996 và năm 2004 sẽ đăng cai Hội nghị Thượng đỉnh ASEM-5, từ năm 1998 tham gia APEC và đang tích cực đàm phán để gia nhập WTO, có thể vào năm 2005.

Dưới đây tôi xin nêu một số ý kiến về vị thế của Việt Nam trong tiến trình hợp tác ASEAN + 3.

1. Vị thế địa chính trị

Trong ASEAN + 3 có hai nước Trung Quốc và Việt Nam là hai nước theo thể chế chính trị xã hội chủ nghĩa, Đảng Cộng sản cầm quyền. Hai nước Việt Nam, Trung Quốc đã từng gắn bó đoàn kết trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân cũ và chủ nghĩa thực dân mới. Trung Quốc từng giúp đỡ to lớn, có hiệu quả cho Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, xây dựng, phát triển kinh tế. Từ 1978 đến 1990 quan hệ Việt – Trung căng thẳng. Từ năm 1991 hai nước đã bình thường hóa quan hệ. Gần 15 năm qua quan hệ Việt – Trung sau một thời gian sóng gió đã lại phát triển tốt đẹp. Cựu Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu và Chủ tịch Giang Trạch Dân đã thỏa thuận phương châm quan hệ hai nước bằng 16 chữ vàng “Láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện, ổn định lâu dài, hướng tới tương lai”. Năm 2000 và 2001 hai nước đã ký Hiệp định phân định biên giới Việt – Trung và Hiệp định phân định Vịnh Bắc

Bộ. Việt Nam đã đóng vai trò tích cực để ASEAN và Trung Quốc ký kết Quy tắc ứng xử trên biển Đông (biển Nam Trung Hoa).

Giữa các nước trong khu vực còn tồn đọng một số vấn đề của lịch sử để lại. Các nhà sử học các nước Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc, Việt Nam và các nước Đông Nam Á cần hợp tác với nhau trên tinh thần tôn trọng lịch sử, cần có sự đánh giá lại những vấn đề còn gây tranh cãi, thậm chí hiểu sai lệch, hiểu lầm nhau. Trách nhiệm của chúng ta là phục dựng lại bức tranh lịch sử, tiếp cận gần đúng như nó đã tồn tại, cùng rút ra những bài học, dù bài học cay đắng của lịch sử để các thế hệ hiện nay và tương lai không phạm phải những sai lầm – những vết xe cũ.

Tôi hy vọng và tin giới sử học và khoa học xã hội nhân văn Việt Nam có thể góp phần hợp tác cùng các đồng nghiệp Đông Á và Đông Nam Á giải quyết những vấn đề này. Nếu nói về mức độ khốc liệt thì hai cuộc chiến tranh thế giới thế kỷ XX gây ra cho các quốc gia châu Âu lớn hơn nhiều so với ở châu Á. Như trên đã nói, châu Âu đã khép lại quá khứ, đi đến nhất thể hóa trong Liên minh châu Âu. Các nước Đông Á chẳng lẽ không làm được như vậy ?

Giữa các nước trong khu vực còn một số vấn đề tranh chấp chủ quyền một số đảo: Tokto giữa Nhật Bản và Hàn Quốc, Senkaku (Điếu Ngư) giữa Nhật Bản và Trung Quốc, Hoàng Sa giữa Trung Quốc và Việt Nam, Trường Sa giữa Trung Quốc, Việt Nam, Philippines, Đài Loan v.v...

Trên tinh thần hợp tác trong khuôn khổ ARF ASEAN và các nước bè bạn có thể gác lại những tranh chấp, bất đồng để củng cố an ninh trên biển, chống cướp biển, chống khủng bố v.v... Quy tắc ứng xử giữa các bên ở biển Đông (biển Nam Trung Hoa) ký ở Phnom Penh năm 2002 và những thỏa thuận về hợp tác chống khủng bố là những bước đi tích cực và đúng hướng.

Trong thế kỷ XXI các nước ASEAN + 3 cần tăng cường hợp tác an ninh. Song có lẽ đây là vấn đề còn nhiều trở ngại, phức tạp. Cần có những bước đi từ từ, thiết thực, xây dựng lòng tin để tiến tới xây dựng một khu vực an ninh, ổn định lâu dài.

2. Vị thế địa – kinh tế

Nhìn tổng thể bức tranh kinh tế khu vực Đông Á có Nhật Bản là con rồng lớn, Hàn Quốc và Singapore là hai con rồng nhỏ, từ giữa những năm 1990 đã được xếp vào câu lạc bộ các nước phát triển (trong viễn cảnh nhất thể hóa kinh tế có thể tính thêm Hongkong, Macao đã trở về với Trung Quốc và Đài Loan cũng là một thực thể kinh tế lớn, gắn kết với nhiều nước trong khu vực).

Còn lại 10 nước đều là những nước đang phát triển. Xét về quy mô, nền kinh tế Trung Quốc lớn thứ hai ở Đông Á, đứng thứ 6 thế giới, đang phát triển với tốc độ cao nhất thế giới. Phải nhìn kinh tế Đông Á trong xu thế phát triển động. Tính GDP/đầu người Brunei là nước giàu nhưng sự giàu có này do “trời cho”,

quy mô kinh tế nhỏ bé nên không ảnh hưởng nhiều đến toàn cục. Còn Malaysia, Thái Lan được xếp hạng trung bình khá, các nước Trung Quốc, Indonesia, Philippines xếp hạng trung bình. Bốn thành viên mới của ASEAN gồm Việt Nam, Lào, Campuchia, Myanmar là những nước nghèo nhất.

Vậy vị thế của Việt Nam trong hợp tác kinh tế Đông Á đóng vai trò khiêm tốn. Tài nguyên thiên nhiên của Việt Nam tương đối phong phú. Hiện nay các mặt hàng xuất khẩu chính là dầu khí, than, gạo, cà phê, cao su, chè, thủy hải sản, hàng dệt may, da giày v.v... Cơ cấu hàng xuất khẩu này cũng giống nhiều nước ASEAN, Trung Quốc, lợi thế cạnh tranh thua kém hoặc ngang các nước trong khu vực. Hai thị trường lớn là Hoa Kỳ và EU. Từ năm 2005 sẽ bỏ hạn ngạch (quota) hàng dệt may nên hàng hóa của Việt Nam nếu không cải tiến nâng cao chất lượng, giảm giá thành sẽ khó cạnh tranh với Trung Quốc và các nước khác. Trong tiến trình thành lập Khu vực Thương mại Tự do Trung Quốc – ASEAN, Trung Quốc đã đưa ra “chương trình thu hoạch sớm”, dành ưu đãi cho các nước ASEAN mới trong đó có Việt Nam, ta cần hết sức tranh thủ cơ hội để tăng cường mậu dịch với Trung Quốc.

Vấn đề thu hút đầu tư nước ngoài vẫn là điểm yếu của Việt Nam và các nước ASEAN. Cách đây 10 – 12 năm, đầu những năm 1990 dòng vốn đầu tư vào các nước ASEAN lên đến hàng chục tỉ USD, từ sau khủng hoảng kinh tế 1997-1998 dòng vốn đầu tư vào các nước ASEAN giảm hẳn, năm 2002 có dấu hiệu hồi phục, đạt 12,6 tỉ USD, năm 2003 đạt 18,3 tỉ USD, trong khi đó dòng vốn FDI vào Trung Quốc năm 2002 hơn 52 tỉ USD, năm 2003 gần 60 tỉ USD. Rõ ràng có sự cạnh tranh khá quyết liệt.

Bảng 5. Số dự án và vốn FDI vào Việt Nam 1995-2003

Năm	Số dự án	Vốn đăng ký (triệu USD)	
		Tổng số	Vốn pháp định
1995	370	6530,8	2986,6
1996	325	8497,3	2940,8
1997	345	4649,1	2334,4
1998	275	3897,0	1805,6
1999	311	1568,0	693,3
2000	371	2012,4	1525,6
2001	523	2535,5	1062,5
2002	754	1557,7	721,4
2003	584	1439,7	799,2

Nguồn: Tổng cục Thống kê, Kinh tế - xã hội Việt Nam 3 năm 2001-2003, Hà Nội 2003, tr.227.

(*) Năm 2003: 11 tháng đầu năm, Số liệu chưa đầy đủ.

Việt Nam năm 1995 thu hút được hơn 6,5 tỉ USD, năm 1996 đạt mức kỷ lục gần 8,5 tỉ USD nhưng sau đó giảm hẳn.

Đến nay đã có hơn 70 nước và vùng lãnh thổ đầu tư trực tiếp vào Việt Nam. Các nhà đầu tư lớn nhất phần lớn đều từ châu Á: Singapore, Đài Loan, Nhật Bản, Hàn Quốc, Hongkong... Trong tương lai gần Việt Nam hội nhập đầy đủ vào AFTA (2006) và liên kết kinh tế với Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc tăng cường, quan hệ hợp tác kinh tế, đầu tư, thương mại còn phát triển.

Tháng 12-2003 tại Tokyo diễn ra Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN – Nhật Bản. Hội nghị đã thông qua Tuyên bố Tokyo về quan hệ đối tác ASEAN – Nhật Bản bền vững và năng động trong thiên niên kỷ mới. Vài thập niên vừa qua và hiện nay Nhật Bản vẫn là nước cung cấp viện trợ ODA lớn nhất cho các nước ASEAN và Trung Quốc. Nền kinh tế Nhật Bản hiện tại và trong tương lai mấy thập niên đầu thế kỷ XXI vẫn là đầu tàu, trụ cột kinh tế của Đông Á.

Một vấn đề được nhiều nước trong khu vực quan tâm là đồng tiền chung châu Á được đề cập từ 1997-1998 đến nay⁽¹⁾. Gần đây nhất, tại Hội nghị thường niên của Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) tại Cheju (Hàn Quốc) từ 15 đến 17/5/2004 bàn thiết lập đồng tiền chung châu Á. Năm 2000 các nước ASEAN + 3 đã đi đến thỏa thuận trao đổi quỹ ngoại tệ dự trữ, qua 16 thỏa thuận song phương giữa các nước này đã tạo được khoản dự trữ lên đến 36,5 tỉ USD. Đó là những bước tiến quan trọng. Tuy nhiên để tiến tới một đồng tiền châu Á như đồng Euro () của Liên minh châu Âu con đường phía trước còn dài và khó khăn. Trình độ kinh tế - xã hội của 15 nước EU cũ tương đối đồng đều nhưng mới có 12 nước sử dụng đồng Euro. Khoảng cách kinh tế xã hội của 13 nước châu Á rất xa, vì vậy đến khi có đồng tiền chung châu Á còn phải qua nhiều chặng đường. Theo tôi, đó là tất yếu và nhất định sẽ thành hiện thực, có thể trong nửa đầu thế kỷ XXI. Tên của đồng tiền này có thể là Aso.

Về vị thế địa kinh tế của Việt Nam trong ASEAN + 3, Việt Nam từ một vựa xuất phát rất thấp, một trong những nước nghèo nhất nên ta cần tích cực, chủ động hội nhập. Nhưng cần có bước đi phù hợp, phát huy lợi thế nhất định của mình để có thể từng bước rút ngắn khoảng cách tụt hậu, xây dựng một khu vực Đông Á thịnh vượng phát triển bền vững và đồng đều giữa các nước.

Tuy nhiên, cho dù liên kết kinh tế Đông Á tăng cường và trở thành một “cực” hay một trụ cột trong ba trụ cột kinh tế thế giới, khối kinh tế Đông Á vẫn là khối kinh tế mở, hợp tác với EU và NAFTA. NAFTA về lâu dài sẽ “hút” các nền kinh tế khác ở châu Mỹ. EU còn mở rộng sang phía Đông và “hút” các nền kinh tế châu Phi. Còn nền kinh tế Đông Á sẽ có thể mở rộng ra địa bàn châu Á – Thái Bình Dương⁽²⁾.

CHÚ THÍCH

1. Trong thời kỳ khủng hoảng tài chính 1997-1998, ASEAN đã đưa ra sáng kiến Chiang Mai, hình thành Hiệp định trao đổi tiền tệ giữa 5 nước ASEAN với số vốn 1,5 tỉ USD. Ngoài ra Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc và 5 nước ASEAN đã thiết lập mạng lưới trao đổi song phương với 5 nước ASEAN, tổng

cộng đến 24 tỉ USD. Các nhà lãnh đạo các nước này đã đề cập việc phát hành đồng tiền chung của châu Á.

2. Năm 2002 trong chuyến thăm 5 nước ASEAN, Thủ tướng Nhật Bản Y. Koizumi phát biểu về “Công trình kinh tế Đông Á”, ngoài các nước Đông Á còn có Australia, New Zealand. Năm 2003 Thủ tướng Nhật Bản còn nói Cộng đồng kinh tế Đông Á – Thái Bình Dương, có thêm Mỹ, Canada.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Ngoại giao, *Hiệp hội các nước Đông Nam Á*. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1985.
2. *ASEAN hôm nay và ngày mai*: Kỷ yếu hội thảo quốc tế tại Hà Nội, 17-18/9/1997, 2 tập.
3. Lim Chong Yah, *Đông Nam Á chặn đường phía trước*. Nxb Thế giới, Hà Nội, 2002.
4. Nguyễn Ngọc Dung, *Chủ nghĩa khu vực Đông Nam Á*, Nxb Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, 2002.
5. Nguyễn Duy Quý, *Tiến tới một ASEAN hòa bình, ổn định và phát triển bền vững*. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001.
6. Phạm Đức Thành (chủ biên), *Đặc điểm con đường phát triển kinh tế – xã hội của các nước ASEAN*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2001.
7. Trần Khánh (chủ biên), *Liên kết ASEAN trong bối cảnh toàn cầu hóa*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2002.
8. Tạp chí Đông Nam Á.
9. Tài liệu tham khảo Thông tấn xã Việt Nam.
10. Tổng cục Thống kê, *Số liệu kinh tế xã hội các nước và vùng lãnh thổ trên thế giới*. Nxb Thống kê, Hà Nội, 2002.
11. Tổng Cục Thống kê, *Kinh tế xã hội Việt Nam 3 năm 2001-2003*, Nxb Thống kê, Hà Nội, 2003.